

Số: 31/QĐ-VKS

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Căn cứ Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014;
- Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông báo số 47-58/TB-VKSTC ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc ngành Kiểm sát nhân dân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng, Kế toán trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các đ/c lãnh đạo;
- Lưu VP.

**KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Trần Huỳnh Bích Phương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-VKS ngày 26/3/2024 của Viện KSND tỉnh Đồng Tháp)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu			
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác			
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	33.094.369.000	33.094.369.000	-
1	Chi quản lý hành chính	33.094.369.000	33.094.369.000	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	32.569.439.000	32.569.439.000	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	524.930.000	524.930.000	-
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		Văn phòng Viện tỉnh	Viện KSND huyện Tân Hồng	Viện KSND huyện Hồng Ngự
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu			
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác			
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	-	2.596.850.000	2.290.158.000
1	Chi quản lý hành chính	-	2.596.850.000	2.290.158.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		2.562.400.000	2.253.658.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		34.450.000	36.500.000
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Đơn vị: VIỆN KSND TỈNH ĐỒNG THÁP
Chương: 004

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		Viện KSND thành phố Hồng Ngự	Viện KSND huyện Tam Nông	Viện KSND huyện Thanh Bình
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu			
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác			
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.331.279.000	2.559.596.000	2.455.620.000
1	Chi quản lý hành chính	2.331.279.000	2.559.596.000	2.455.620.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.291.779.000	2.520.096.000	2.410.120.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.500.000	39.500.000	45.500.000
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		Viện KSND huyện Tháp Mười	Viện KSND huyện Cao Lãnh	Viện KSND thành phố Cao Lãnh
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu			
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác			
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.769.506.000	3.076.665.000	3.215.089.000
1	Chi quản lý hành chính	2.769.506.000	3.076.665.000	3.215.089.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.724.306.000	3.022.385.000	3.161.089.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	45.200.000	54.280.000	54.000.000
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Đơn vị: VIỆN KSNĐ TỈNH ĐỒNG THÁP
Chương: 004

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc			
		Viện KSNĐ huyện Lai Vung	Viện KSNĐ huyện Lấp Vò	Viện KSNĐ huyện Châu Thành	Viện KSNĐ thành phố Sa Đéc
I	Quyết toán thu				
A	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Chi từ nguồn thu được để lại				
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
C	Số thu nộp NSNN				
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.902.597.000	2.821.087.000	2.929.437.000	3.146.485.000
1	Chi quản lý hành chính	2.902.597.000	2.821.087.000	2.929.437.000	3.146.485.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.857.097.000	2.778.587.000	2.883.937.000	3.103.985.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	45.500.000	42.500.000	45.500.000	42.500.000
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				